

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYỀN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 23/5/2019.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Anh Đức.

2. Bà Võ Thị Vịnh.

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Khải – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2019/TLST-HNGĐ ngày 20/02/2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn K, sinh năm 1988 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Con chung từ đủ 07 tuổi trở lên: Cháu Huỳnh Ngọc Khánh B, sinh ngày 20/7/2011 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 11/02/2019, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà và ông Huỳnh Văn K kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại nhà cha mẹ ruột của ông K tại xã T, huyện M. Thời gian chung sống ông K thường xuyên đánh đập bà N. Do đó, kể từ tháng 10 năm 2018 bà về sinh sống tại nhà cha mẹ ruột tại ấp T, xã Thuyện T, tỉnh Sóc Trăng, nên bà và ông K không còn chung sống với nhau đến nay. Bà N xác định hôn nhân không còn hạnh phúc, bà và ông K không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Huỳnh Văn K.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Huỳnh Văn K có một người con chung tên Huỳnh Ngọc Khánh B, sinh ngày 20/7/2011 hiện nay đang sống với bà N. Bà N yêu cầu được quyền nuôi con. Không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Huỳnh Văn K:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã cấp, tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông Huỳnh Văn K theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông K không đến Tòa án để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đến ngày 04/5/2019 ông K nộp cho Tòa án bản tự khai với nội dung như sau: Ông K thừa nhận có kết hôn với bà Nguyễn Thị N vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian chung sống, ông và bà N có một người con chung tên Huỳnh Ngọc Khánh B, sinh ngày 20/7/2011. Nay bà N yêu cầu ly hôn ông K đồng ý ly hôn; Về con chung, bà Nguyễn Thị N yêu cầu nuôi con, không yêu cầu ông K cấp dưỡng thì ông đồng ý; Về tài sản chung, nợ chung không có.

- *Con chung từ đủ 07 tuổi trở lên, Cháu Huỳnh Ngọc Khánh B trình bày:* Khi cha, mẹ cháu là bà Nguyễn Thị N và ông Huỳnh Văn K ly hôn cháu có nguyện vọng sống với mẹ.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn ông Huỳnh Văn K đã được cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử nhưng ông K có đơn xin vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Huỳnh Văn K.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Áp dụng Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị N; Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị N được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Huỳnh Ngọc Khánh B, sinh ngày 20/7/2011 đến tuổi trưởng thành; Ông Huỳnh Văn K được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở; Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét; Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Bị đơn, ông Huỳnh Văn K đã được cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, ông K có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Huỳnh Văn K.

Về nội dung:

[1] Vụ kiện của bà Nguyễn Thị N và ông Huỳnh Văn K là loại kiện hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bà Nguyễn Thị N và ông Huỳnh Văn K kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị N và ông Huỳnh Văn K là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa hôm nay, bà N kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông K, vì ông K thường xuyên hành hung bà N, bạo lực gia đình. Kể từ tháng 10 năm 2018 đến nay bà N và ông K không còn sống chung, không còn quan tâm nhau, không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị N và ông Huỳnh Văn K không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị N.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Huỳnh Văn K có một người con chung tên Huỳnh Ngọc Khánh B, sinh ngày 20/07/2011 hiện nay con chung đang sống với bà N. Bà N yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, kể từ khi bà N và ông K không còn chung sống với nhau, cháu B do bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến nay và tại biên bản ghi lời khai ngày 13/3/2019 (BL 21) cũng như tại phiên tòa, cháu B có nguyện vọng được sống với mẹ. Nguyện vọng của cháu B là hợp lý và chính đáng nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của luật hôn nhân và gia đình giao cho bà Nguyễn Thị N được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Huỳnh Ngọc Khánh B (theo nguyện vọng của cháu B) đến tuổi trưởng thành.

[3] Ông Huỳnh Văn K được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị N là người trực tiếp nuôi con, nhưng bà N cho rằng đủ khả năng để nuôi con, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử thống nhất ghi nhận ý kiến của bà N không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị N trình bày không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Vấn đề Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được quyền ly hôn với ông Huỳnh Văn K.

[2] Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Huỳnh Ngọc Khánh B, sinh ngày 20/7/2011 đến tuổi trưởng thành.

[3] Ông Huỳnh Văn K được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị N không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005427 ngày 18/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên. Như vậy, bà N đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
(đăng ký kết hôn số 246
Quyển 1/2010, ngày 20/10/2010);
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THA dân sự huyện Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ái Mỹ